

# Đánh giá độ tin cậy nội tại và phân tích EFA của thang đo sự hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo Nha khoa tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

Trần Văn Thành\*, Hoàng Đạo Bảo Trâm, Nguyễn Thị Thu Quyên, Lê Bá Anh Duy



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## TÓM TẮT

Khảo sát lấy ý kiến người học là một trong những kênh dữ liệu quan trọng trong công tác kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục đào tạo cũng như là cơ sở dữ liệu nhằm giúp các chương trình đào tạo xem xét nâng cao chất lượng. Từ năm 2019, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo ở tất cả các chương trình đào tạo đại học. Tuy nhiên, mẫu khảo sát chưa được xem xét đánh giá thống kê về độ tin cậy nội tại và phân nhóm các câu hỏi khảo sát. Trong nghiên cứu này, kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên Nha khoa (chương trình Răng Hàm Mặt và Phục hình răng) được đại diện sử dụng để phân tích thống kê Cronbach's Alpha và EFA. Kết quả cho thấy số lượng mẫu khảo sát thu được (115 mẫu) đáp ứng yêu cầu chọn mẫu. Các câu hỏi khảo sát có hệ số Cronbach's Alpha cao (trên 0,8). Kết quả phân tích EFA gợi ý phân nhóm lại các câu hỏi vào 3 nhóm khảo sát chính là Chất lượng chương trình đào tạo, Chất lượng đội ngũ giảng viên – tổ chức đào tạo và Chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học. Kết quả nghiên cứu này sẽ được sử dụng làm cơ sở để cải tiến mẫu khảo sát sử dụng cho tất cả các chương trình đào tạo khác tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh trong những năm sắp tới.

**Từ khóa:** Khảo sát mức độ hài lòng, Chương trình đào tạo, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nền kinh tế thị trường, giáo dục đại học được xem là một ngành dịch vụ, ở đó người cung cấp dịch vụ là Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thỏa mãn nhu cầu của người nhận dịch vụ là sinh viên, phụ huynh, nhà tuyển dụng<sup>1</sup>.

Việt Nam ở bối cảnh hiện tại, các chính sách kiểm định chất lượng, tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học và sự gia tăng các trường đại học các ngành Chăm sóc sức khỏe đã đặt ra yêu cầu cung cấp chất lượng dịch vụ giáo dục như cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, dịch vụ hỗ trợ, ..., nhằm tạo sự cạnh tranh trong nâng cao chất lượng giáo dục hệ thống<sup>2</sup>.

Hiện nay, nguồn thông tin có được từ khảo sát lấy ý kiến sinh viên là một trong những cơ sở khoa học giá trị, tin cậy và hữu ích để nhà quản lý giáo dục thực hiện việc xây dựng hoặc cải tiến chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và chất lượng giảng viên<sup>3</sup>. Nhiều nghiên cứu được thực hiện để đánh giá sự hài lòng của người học về chất lượng đào tạo có thể kể đến như Halil Nadiri và các cộng sự (2009), Babar và các cộng sự (2010), Maria Arrieta và các cộng sự

(2020)<sup>1,4,5</sup>. Theo Elliott & Shin (2002), sự hài lòng của sinh viên là cơ sở để trường đại học cải tiến, nâng cao chất lượng để liên tục đáp ứng nhu cầu của chính sinh viên và xã hội một cách hiệu quả<sup>6</sup>.

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo ở tất cả các chương trình đào tạo. Tuy nhiên, mẫu khảo sát chưa được xem xét đánh giá thống kê về độ tin cậy nội tại và phân nhóm các câu hỏi khảo sát. Do đó, nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá độ tin cậy nội tại và khả năng phân nhóm của các câu hỏi khảo sát về sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, qua đó tạo nên cơ sở dữ liệu khoa học quan trọng trong công tác đào tạo và nâng cao sự hài lòng của sinh viên.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả

### Thời gian

Tháng 5 – tháng 7 năm 2021

Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Liên hệ

Trần Văn Thành, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: tranvanthanh@ump.edu.vn

### Lịch sử

- Ngày nhận: 28-6-2024
- Ngày chấp nhận: 01-8-2024
- Ngày đăng:

### DOI:



### Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Trích dẫn bài báo này:** Thành T V, Trâm H D B, Quyên N T T, Duy L B A. **Đánh giá độ tin cậy nội tại và phân tích EFA của thang đo sự hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo Nha khoa tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.** *Sci. Tech. Dev. J. - Health Sci.* 2024; (1):1-7.

**46 Đối tượng**

47 Người học đang học năm cuối cùng của chương trình  
48 đào tạo tại Khoa Răng Hàm Mặt - Đại học Y Dược  
49 thành phố Hồ Chí Minh (115 sinh viên).  
50 Điều kiện chọn mẫu: Bao gồm tất cả các sinh viên  
51 năm cuối, kể cả sinh viên chưa đủ điều kiện thi tốt  
52 nghiệp, hoãn thi.  
53 Điều kiện loại trừ: Sinh viên không đồng ý tham gia  
54 khảo sát.

**55 Cỡ mẫu khảo sát**

56 Nghiên cứu tham khảo công thức tính cỡ mẫu khảo  
57 sát theo tỷ lệ dân số, theo trung bình dân số và theo  
58 một số khảo sát khác.  
59 Công thức cho tỷ lệ dân số (Population proportion)  
60 được tính như sau:

$$n = \frac{N \cdot Z^2 \cdot p \cdot (1 - p)}{E^2 + Z^2 \cdot p \cdot (1 - p)}$$

61 Trong đó:  
62 n là số lượng mẫu cần thiết.  
63 N là tổng số người trong dân số.  
64 Z là z-score tương ứng với mức tin cậy mong muốn  
65 (thường là 1,96 cho mức tin cậy 95%).  
66 p là ước tính tỷ lệ của biến quan tâm trong dân số  
67 (thường là 0,5)  
68 E là sai số (margin of error) cho phép, tức là mức độ  
69 sai số tối đa chấp nhận (thường là 3 đến 5%).  
70 Công thức cho trung bình dân số được tính như sau:

$$n = \frac{N \cdot \sigma^2 \cdot Z^2}{\sigma^2 \cdot (N - 1) + Z^2 \cdot d^2}$$

71 Trong đó:  
72 n là số lượng mẫu cần thiết.  
73 N là tổng số người trong dân số.  
74  $\sigma$  là độ lệch chuẩn của biến quan tâm trong dân số.  
75 Z là z-score tương ứng với mức tin cậy mong muốn.  
76 d là mức độ sai số (desired margin of error) cho phép.  
77 Cỡ mẫu tối thiểu cũng có thể được xác định là 4 hoặc  
78 5 lần số biến trong khảo sát<sup>7</sup>.

**79 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**80 Phương pháp và công cụ thu thập**

81 Khảo sát bằng trực tuyến (email, công cụ Google  
82 Form)  
83 Thực hiện khảo sát và báo cáo theo Quy trình hướng  
84 dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của sinh  
85 viên sắp tốt nghiệp về chương trình đào tạo (ĐHYD-  
86 ĐBCL/QT.07)  
87 Bảng câu hỏi được xây dựng trên lý thuyết của  
88 Green&Harvet (1993) và được hiệu chỉnh để phù hợp  
89 với thực tế. Bảng câu hỏi sau đó được lấy ý kiến tại các  
90 Đơn vị ĐBCLGD của 7 khoa thuộc Đại học Y Dược  
91 thành phố Hồ Chí Minh.

**Định nghĩa biến số**

Biến phụ thuộc: Điểm hài lòng của sinh viên đối với  
CTĐT  
Biến độc lập:

• **Thang đo các yếu tố**

**TT Tiêu chí**

- I1 CTĐT được phân bổ hợp lý thời lượng giữa lý thuyết và thực hành
- I2 CTĐT cung cấp cho SV đủ kiến thức cần thiết và cập nhật
- I3 CTĐT giúp SV phát triển các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp
- I4 CTĐT giúp SV phát triển các thái độ cần thiết cho nghề nghiệp
- II1 Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao và cập nhật
- II2 Đội ngũ GV đạo đức tốt, tận tụy với nghề, sẵn sàng giúp đỡ SV (đặc biệt với người dân tộc thiểu số, khuyết tật)
- II3 Đội ngũ GV có phương pháp sư phạm tốt
- II4 Phương pháp giảng dạy giúp SV phát triển tốt kỹ năng giải quyết vấn đề, tự học, tự nghiên cứu...
- III1 CTĐT, quy chế và kế hoạch học tập được phổ biến kịp thời và tạo thuận lợi cho SV
- III2 Có đủ giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo cho SV
- III3 Đào tạo kết hợp với đào tạo nhân cách, đạo đức nghề nghiệp và các kỹ năng mềm
- III4 Tổ chức thi, chấm thi, kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, minh bạch và công khai
- III5 Phương pháp đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan, phù hợp năng lực
- IV1 Môi trường học tập và thực tập đáp ứng hiệu quả cho giảng dạy
- IV2 Cán bộ - Viên chức khối phục vụ có thái độ phục vụ tốt
- IV3 Hoạt động Đoàn/Hội tác dụng tốt đến rèn luyện nhân cách SV
- IV4 Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV
- IV5 Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV
- IV6 Nhà trường chăm lo tốt sức khỏe của SV

• **Thang đo sự hài lòng chung**

**TT Tiêu chí**

- V1 Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo
- V2 Mức độ hài lòng về môi trường học tập và thực tập
- V3 Mức độ hài lòng về mối quan hệ Thầy-Trò trong thời gian học tập
- V4 Mức độ hài lòng giữa chi phí đào tạo và chất lượng kiến thức/kỹ năng thu được

143 **Xử lý dữ kiện**

144 Số liệu sau khi được thống kê bằng phần mềm Excel,  
 145 sẽ được phân tích tại phần mềm STATA.  
 146 Kiểm định độ tin cậy của thang đo: sử dụng hai chỉ  
 147 số thống kê là (1) Hệ số Cronbach's Alpha và (2) hệ số  
 148 tương quan biến tổng (Corrected Item- Total Correlation).  
 149  
 150 Các tiêu chí được kiểm định bằng thống kê Cronbach's  
 151 Alpha (Đánh giá độ tin cậy thang đo); Sau đó Phân  
 152 tích nhân tố khám phá (EFA) để xác định các nhân  
 153 tố tác động và mức tác động đến sự hài lòng của sinh  
 154 viên đối với chất lượng chương trình đào tạo.

155 **KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

156 **Số lượng sinh viên tham gia khảo sát**

157 Nghiên cứu thực hiện khảo sát trên toàn bộ sinh viên  
 158 sắp tốt nghiệp của 2 ngành đào tạo Bác sĩ Răng Hàm  
 159 Mặt và Cử nhân Phục Hình Răng là 115. Số mẫu khảo  
 160 sát hợp lệ là 100%. Số mẫu khảo sát đáp ứng cả 3 công  
 161 thức tính cỡ mẫu (số mẫu theo công thức tỷ lệ dân số  
 162 là 112, số mẫu theo công thức trung bình dân số là 20,  
 163 số mẫu theo biến khảo sát là từ 92 đến 115) nên kết  
 164 quả khảo sát có tính đại diện và có thể đưa vào xử lý  
 165 thống kê phân tích.

166 **Thông tin chung của mẫu khảo sát**

167 Kết quả khảo sát dân số học được trình bày trong  
 168 Bảng 1 và Bảng 2. Kết quả cho thấy sinh viên theo học  
 169 chương trình Nha khoa (Răng Hàm Mặt và Phục hình  
 170 răng) có tỉ lệ sinh viên nữ nhiều hơn (62%) nhưng  
 171 không vượt trội hơn so với số lượng sinh viên nam.  
 172 Sinh viên học đúng tuổi và theo tiến độ (năm thứ 6  
 173 có độ tuổi là 24 tuổi) và có 7,8% sinh viên là dân tộc  
 174 thiểu số. Điểm số của sinh viên đang theo học chương  
 175 trình khá tốt (điểm trung bình trên 3,5/4,0).

176 **Đánh giá độ tin cậy nội tại của thang đo (Cronbach's Alpha)**

178 Thống kê Cronbach's Alpha được sử dụng để đánh  
 179 giá độ tin cậy nội tại của thang đo. Kết quả thống kê  
 180 Cronbach's Alpha được trình bày trong Bảng 3. Các  
 181 tiêu chí khảo sát đều có hệ số Cronbach's Alpha  $\geq$   
 182 0,7 và các giá trị tương quan biến-tổng của các biến  
 183 quan sát  $\geq 0,3$ <sup>1,3</sup>. Kết quả cho thấy các câu hỏi khảo  
 184 sát có tính nhất quán. Kết quả phân tích các giá trị  
 185 Cronbach's Alpha để trên 0,8 nên có thể tin tưởng  
 186 rằng các mục đo lường đang đo lường một khía cạnh  
 187 duy nhất hoặc liên quan một cách nhất quán đến khía  
 188 cạnh khảo sát là sự hài lòng về chất lượng của chương  
 189 trình đào tạo.

**Đánh giá tính hội tụ và phân biệt của thang đo (Phân tích EFA)**

Để kiểm định độ giá trị của thang đo thông qua độ  
 hội tụ và giá trị phân biệt, phân tích nhân tố EFA sử  
 dụng phương pháp trích Principal Component được  
 sử dụng với phép xoay Varimax<sup>8</sup>. Kết quả phân tích  
 EFA được trình bày trong Bảng 4 và Bảng 5.

- Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) của thang đo là 0,91 ( $KMO \geq 0,5$ ) với KMO của từng tiêu chí đều lớn (0,85-0,94) cho thấy có thể sử dụng phân tích EFA cho bộ dữ liệu.
- Kiểm định Bartlett có giá trị 2622,9 với 253 bậc tự do và tương ứng với p-value =  $0 < 0,05$ , tương quan giữa các items là đủ lớn để sử dụng phân tích EFA.
- Nghiên cứu sử dụng ngưỡng hệ số tải (common-dity) 0,55 để phù hợp với cỡ mẫu nghiên cứu, và vẫn đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích EFA.
- Eigenvalue là 3,56 có 3 nhân tố được rút trích và các biến quan sát được nhóm vào từng nhân tố. Tổng phương sai trích đạt được 67%, suy ra các nhân tố được rút trích giải thích được 67% (> 50%) sự biến thiên của dữ liệu.

**Bảng 5: Kết quả phân tích EFA thang đo hài lòng chung**

Biến quan sát	Nhân tố 4
V1	0,83
V2	0,75
V3	0,76
V4	0,90
Eigenvalue	2,65

**THẢO LUẬN**

Nghiên cứu thực hiện nhằm xây dựng thang đo sự hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo tại Khoa Nha thuộc Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.

Sinh viên thuộc 2 chuyên ngành đào tạo của đánh giá khá hài lòng về chất lượng dịch vụ đào tạo tại đây với điểm trung bình là  $3,579 \pm 0,712$ , trong đó sinh viên khảo sát là ngành Phục hình răng, giới tính nữ và thuộc dân tộc thiểu số có mức độ hài lòng trung bình cao hơn so với mức độ hài lòng trung bình ở các nhóm đặc tính chung nhóm.

Thang đo có độ tin cậy nội tại cao, với giá trị Cronbach Alpha > 0,8. Sau phân tích nhân tố EFA, mô hình

**Bảng 1: Đặc điểm dân số học của mẫu khảo sát**

Đặc điểm	Tần số (n=115)	Tỷ lệ
Ngành		
Răng Hàm Mất	91	79,1%
Phục hình răng	24	20,9%
Giới tính		
Nữ	62	53,9%
Tuổi	24,03 (1,3)	
Dân tộc thiểu số		
Có	9	7,8%

**Bảng 2: Điểm trung bình của sinh viên tham gia khảo sát**

Đặc điểm	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn	p*
Chung	3,58 ± 0,71	
Ngành		
Răng Hàm Mất	3,52 ± 0,68	0,29
Phục hình răng	3,79 ± 0,79	
Giới tính		
Nữ	3,63 ± 0,64	0,44
Nam	3,54 ± 0,77	
Dân tộc thiểu số		
Có	3,73 ± 0,7	0,84
Không	3,57 ± 0,89	

\* Kiểm định Wilcoxon ranksum

228	đề xuất ba nhân tố với sự thay đổi ở một vài biến so	II2 Đội ngũ GV đạo đức tốt, tận tụy với nghề, sẵn sàng	248
229	với mô hình đề xuất ban đầu. Mô hình mới tác động	giúp đỡ SV (đặc biệt với người dân tộc thiểu số, khuyết	249
230	đến mức độ hài lòng của sinh viên sắp tốt nghiệp về	tật)	250
231	chương trình đào tạo được đặt lại tên tương ứng lần	II3 Đội ngũ GV có phương pháp sư phạm tốt	251
232	lượt:	II4 Phương pháp giảng dạy giúp SV phát triển tốt kỹ	252
233	• <b>Chất lượng CTĐT</b>	năng giải quyết vấn đề, tự học, tự nghiên cứu...	253
234	<b>TT Tiêu chí</b>	III4 Tổ chức thi, chấm thi, kiểm tra, đánh giá nghiêm	254
235	I1 CTĐT được phân bổ hợp lý thời lượng giữa lý	túc, minh bạch và công khai	255
236	thuyết và thực hành	III5 Phương pháp đánh giá kết quả học tập công bằng,	256
237	I2 CTĐT cung cấp cho SV đủ kiến thức cần thiết và	khách quan, phù hợp năng lực	257
238	cập nhật	IV1 Môi trường học tập và thực tập đáp ứng hiệu quả	258
239	I3 CTĐT giúp SV phát triển các kỹ năng cần thiết cho	cho giảng dạy	259
240	nghề nghiệp	IV2 Cán bộ - Viên chức khối phục vụ có thái độ phục	260
241	I4 CTĐT giúp SV phát triển các thái độ cần thiết cho	vụ tốt	261
242	nghề nghiệp	V3 Mức độ hài lòng về mối quan hệ Thầy-Trò trong	262
243	• <b>Chất lượng đội ngũ giảng viên - tổ chức đào</b>	thời gian học tập	263
244	<b>tạo</b>	• <b>Chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học</b>	264
245	<b>TT Tiêu chí</b>	<b>TT Tiêu chí</b>	265
246	III1 Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao và cập	III1 CTĐT, quy chế và kế hoạch học tập được phổ biến	266
247	nhật	kịp thời và tạo thuận lợi cho SV	267

**Bảng 3: Kết quả phân tích giá trị Cronbach Alpha**

TT	Biến quan sát	Giá trị nếu loại (raw_alpha)	Tương quan biến-tổng (r.drop)
1. 1.	Chương trình đào tạo	0,88	
	I1	0,87	0,66
	I2	0,82	0,80
	I3	0,83	0,78
	I4	0,85	0,71
1. 2.	Giảng viên và phương pháp giảng dạy	0,94	
	II1	0,92	0,86
	II2	0,91	0,87
	II3	0,92	0,84
	II4	0,92	0,84
1. 3.	Tổ chức đào tạo	0,92	
	III1	0,90	0,83
	III2	0,90	0,82
	III3	0,91	0,80
	III4	0,91	0,78
	III5	0,91	0,78
1. 4.	Sinh hoạt và đời sống	0,90	
	IV1	0,90	0,67
	IV2	0,89	0,71
	IV3	0,88	0,79
	IV4	0,88	0,78
	IV5	0,88	0,75
	IV6	0,89	0,72
1. 5.	Cảm nhận chung	0,88	
	V1	0,84	0,77
	V2	0,87	0,70
	V3	0,87	0,71
	V4	0,82	0,82

268 III2 Có đủ giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham  
 269 khảo cho SV  
 270 III3 Đào tạo kết hợp với đào tạo nhân cách, đạo đức  
 271 nghề nghiệp và các kỹ năng mềm  
 272 IV3 Hoạt động Đoàn/Hội tác dụng tốt đến rèn luyện  
 273 nhân cách SV  
 274 IV4 Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn  
 275 nghệ của SV  
 276 IV5 Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao  
 277 của SV  
 278 IV6 Nhà trường chăm lo tốt sức khỏe của SV  
 279 V1 Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo  
 280 V2 Mức độ hài lòng về môi trường học tập và thực tập  
 281 Các nhân tố trích được đều có ít nhất 3 biến quan sát  
 282 trở lên nên thỏa điều kiện về số lượng biến quan sát  
 283 tối thiểu cần có ở môi nhân tố.

## KẾT LUẬN

284  
 285 Nghiên cứu đã thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất  
 286 lượng đào tạo của chương trình theo mẫu khảo sát  
 287 chung của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.  
 288 Kết quả phân tích thống kê Cronbach's Alpha cho thấy  
 289 các câu hỏi khảo sát có độ tin cậy nội tại cao, có tính  
 290 thống nhất và đều nhằm hướng để khảo sát sự hài lòng  
 291 của sinh viên. Khi tiến hành phân tích EFA, các câu  
 292 hỏi khảo sát được phân nhóm lại theo ba nhóm chính  
 293 là Chất lượng chương trình đào tạo, Chất lượng đội  
 294 ngũ giảng viên – tổ chức đào tạo và Chất lượng các  
 295 hoạt động hỗ trợ người học. Kết quả nghiên cứu này  
 296 sẽ được sử dụng để cải tiến mẫu khảo sát sử dụng cho  
 297 tất cả các chương trình đào tạo khác tại Đại học Y  
 298 Dược thành phố Hồ chí Minh.

**Bảng 4:** Kết quả phân tích EFA thang đo các yếu tố

Biến quan sát	Nhân tố		
	1	2	3
I1			0,65
I2			0,78
I3			0,77
I4			0,68
II1	0,81		
II2	0,82		
II3	0,76		
II4	0,78		
III1		0,60	
III2		0,60	
III3		0,57	
III4	0,61		
III5	0,57		
IV1	0,56		
IV2	0,60		
IV3		0,78	
IV4		0,71	
IV5		0,77	
IV6		0,78	
Eigenvalue	4,95	4,89	3,59
Phương sai trích	0,26	0,52	0,70

### 299 LỜI CẢM ƠN

300 Nghiên cứu được tài trợ kinh phí từ Đại học Y Dược  
301 thành phố Hồ Chí Minh (đề tài cấp cơ sở theo hợp  
302 đồng NCKH 74/2022/HĐ-ĐHYD).

### 303 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

304 Nhóm tác giả cam kết không có xung đột lợi ích trong  
305 nghiên cứu công bố này.

### 306 ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

307 Thiết kế nghiên cứu: Trần Văn Thành, Hoàng Đạo  
308 Bảo Trâm, Nguyễn Thị Thu Quyên, Lê Bá Anh Duy  
309 Thống kê: Trần Văn Thành, Lê Bá Anh Duy  
310 Chỉnh sửa bản thảo: Trần Văn Thành, Hoàng Đạo Bảo  
311 Trâm, Nguyễn Thị Thu Quyên, Lê Bá Anh Duy  
312 Tất cả tác giả đã đọc và đồng ý xuất bản bài nghiên  
313 cứu này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 314 Nadiri H, Kandampully J, Hussain K. Students' perceptions of  
315 service quality in higher education. Total Quality Manage-  
316 ment. 2009;20(5):523-535;Available from: <https://doi.org/10.1080/14783360902863713>.  
317  
318
- 319 Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương  
320 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo  
321 (2013);  
322
- 323 Bách TX. Sinh viên đánh giá giảng viên-nguồn thông tin quan  
324 trọng trong quy trình đánh giá giảng viên. VNU Journal of Sci-  
325 ence: Social Sciences and Humanities. 2007;23(3);  
326
- 327 Butt BZ, Ur Rehman K. A study examining the students satisfac-  
328 tion in higher education. Procedia-Social and Behavioral Sci-  
329 ences. 2010;2(2):5446-5450;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2010.03.888>.  
330
- 331 Arrieta MdC, Avolio B. Factors of higher education quality ser-  
332 vice: the case of a Peruvian university. Quality Assurance in Edu-  
333 cation. 2020;28(4):219-238;Available from: <https://doi.org/10.1108/QAE-03-2020-0037>.  
334
- 335 Elliot K, Shin D. Student satisfaction: an alternative approach to  
336 assessing this important concept. 2002;Available from: <https://doi.org/10.1080/1360080022000013518>.  
337
- 338 Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc. Phân tích dữ liệu  
339 nghiên cứu với SPSS : Tập 1. 2008, 295 trang, nhà xuất bản

- 338      Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh;
- 339      8. Costello AB, Osborne J. Best practices in exploratory factor  
340      analysis: Four recommendations for getting the most from  
341      your analysis. Practical assessment, research, and evaluation.  
342      2005;10(1):7,;

# Evaluation of internal reliability and EFA analysis of students' satisfaction on Dental education program - University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City

Tran Van Thanh<sup>\*</sup>, Hoang Dao Bao Tram, Nguyen Thi Thu Quyen, Le Ba Anh Duy



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

## ABSTRACT

Surveying learners' opinions is one of the crucial data channels in the accreditation and quality assurance of education and training, serving as a database to help training programs consider quality improvements. Since 2019, the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City has conducted surveys on the satisfaction levels of graduating students regarding the quality of training programs in all undergraduate programs. However, the survey sample has not yet been statistically evaluated for internal reliability and the grouping of survey questions. In this study, the survey results of Dental programs (Dental Surgery and Dental Prosthetics programs) were used as a representative sample for statistical analysis using Cronbach's Alpha and Exploratory Factor Analysis (EFA). The results showed that the number of survey samples collected (115 samples) met the sampling requirements. The survey questions had high Cronbach's Alpha coefficients (above 0.8). The EFA analysis suggested regrouping the questions into three main survey groups: Quality of the training program, Quality of the teaching staff – training organization, and Quality of student support activities. This research result will serve as a basis for improving the survey model used for all other training programs at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City in the coming years.

**Key words:** Satisfaction Survey, Training Program, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City

University of Medicine and Pharmacy at  
Ho Chi Minh city, Vietnam

## Correspondence

**Tran Van Thanh**, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city, Vietnam

Email: tranvanthanh@ump.edu.vn

## History

- Received: 28-6-2024
- Accepted: 01-8-2024
- Published Online:

DOI :



## Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Cite this article :** Thanh T V, Tram H D B, Quyen N T T, Duy L B A. **Evaluation of internal reliability and EFA analysis of students' satisfaction on Dental education program - University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City.** *Sci. Tech. Dev. J. - Health Sci.* 2024; ():1-1.